TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 17, 22/04 – 26/04/2024

"Nỗ lực phục hồi"

Tiêu điểm:

- Từ ngày 19-4, Ngân hàng Nhà nước bắt đầu bán ngoại tệ để can thiệp thị trường theo hình thức giao ngay vào các ngày làm việc trong tuần.
- GDP quý 1 của Mỹ tăng 1.6%. Mức tăng này thấp hơn nhiều so với mức dự báo tăng 2.4%. Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) tăng 3.4% YoY, tăng tốc mạnh so với mức tăng 1.8% ghi nhận trong quý trước.
- UBCKK NN cho biết Hệ thống KRX chưa được chấp thuận vì chưa có báo cáo Bộ Tài chính, Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam (VNX) và chưa có ý kiến của các đơn vị thụ hưởng (HNX, VSDC).

Đánh giá: Thị trường có sự phục hồi sau phiên giảm mạnh tuần trước khi những tin tức về rủi ro địa chính trị giữa Iran và Israel có phần hạ nhiệt. Vì thế, cũng dễ hiểu khi nhà đầu tư hiện vẫn thận trọng khi chưa có thông tin gì mới và tích cực hỗ trợ cho quyết định mua vào. Tuy nhiên, lực cầu có vẻ sẵn sàng đặt mua giá thấp chứ không chủ động mua lên, nên chúng tôi kì vọng thị trường sẽ giao dịch trong vùng 1,200.

Góc nhìn kĩ thuật: Trên đồ thị tuần, sau phiên phục hồi 30 điểm, thị trường đã thu hẹp đà giảm còn 70 điểm sau 2 tuần. Về mặt chỉ số, VNINDEX cũng đã có sự cải thiện nhờ những mã vốn hóa lớn kéo mạnh, nhưng thanh khoản còn kém do tâm lý thận trọng. Đặc biệt, VNINDEX đã có sự bật tăng tại vùng EMA 200 và giữ vững được xu hướng tăng dài hạn. Trong kịch bản cơ sở, có thể thị trường sẽ tạo thêm một đáy tiếp theo trước khi quay lại xu hướng tăng.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư có thể tham gia với tỷ trọng nhỏ với những mã cổ phiếu khỏe có sự bật tăng tại EMA 50 sau khi tích lũy đủ. Không nên mua đuổi tại những phiên tăng mạnh vì rủi ro địa chính trị và vĩ mô vẫn hiện hữu.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,210	3.0	-5.7	2.9	7.0		16.0	1.7	194
Upcom Index	89	1.8	-2.7	1.2	2.0		12.6	1.3	49
HNX Index	227	2.7	-6.3	-1.1	-1.8		23.1	1.2	11
VN30 Index	1,241	3.9	-3.6	4.9	9.6		12.5	1.7	136
S&P 500 Index	5,048	1.6	-3.0	3.2	5.8		24.2	4.6	44,071
STOXX Europe 600 Index	506	1.3	-1.1	4.5	5.6		15.3	2.1	14,378
Hang Seng	17,651	8.8	6.2	10.7	3.5		9.7	1.0	2,608
Nikkei 225	37,935	2.3	-6.1	6.1	13.4		26.8	2.1	4,436
SHCOMP Index	3,089	0.8	1.9	6.1	3.8		13.6	1.3	6,442
STI Index	3,277	3.2	1.4	3.7	1.1		11.6	1.1	366
KOSPI Index	2,656	2.5	-3.7	7.2	0.0		18.9	0.9	1,503

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
☎ (84-28) 6299 7603
✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Định giá Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	3.1	-5.5	8.5	-30.1	-22.5	-22.5	81.5	0.9	13.1	1.7	4,320,512
Mid Cap	3.2	-6.0	7.8	-34.1	-35.3	-40.8	17.3	-0.8	19.8	1.2	538,587
Small Cap	1.7	-7.7	-6.1	-32.5	-32.8	-34.9	1.3	0.0	853.3	0.7	68,177

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Định giá Vốn hóa (Tỷ VND)
Bán lẻ	12.9	8.4	27.8	35.9	20.4	20.5	6.3	3.1	219.2	3.8	118,968
Công nghệ Thông tin	12.2	6.7	25.1	55.7	102.8	76.4	4.3	2.4	23.8	3.9	171,663
Hóa chất	6.1	-9.3	25.9	-20.7	-24.2	-34.2	4.1	0.5	24.1	1.9	224,101
Tài chính	5.8	-11.9	6.5	-29.5	-25.6	-29.5	15.5	0.3	19.3	1.5	193,013
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	4.4	-4.7	14.6	-30.2	-31.9	-32.5	5.2	0.0	15.0	1.4	149,370
Xây dựng và vật liệu	4.0	-9.8	-0.6	-40.1	-41.4	-51.6	4.0	-0.6	22.6	1.2	125,750
Du lịch và Giải trí	3.9	10.3	9.8	-24.7	-0.3	39.3	1.1	0.1	n.a	23.8	105,946
Bất động sản	2.9	-9.0	-2.2	-40.1	-36.8	-31.5	20.2	-3.1	12.4	1.2	733,456
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.9	-3.2	12.0	-23.2	-15.7	-16.0	1.4	0.1	15.2	1.9	59,710
Dầu khí	2.6	-6.9	3.9	-44.4	-46.6	-44.2	0.9	-0.2	21.8	2.1	61,898
Thực phẩm và đồ uống	2.4	-5.2	-3.3	-36.3	-32.4	-34.7	7.4	-0.6	22.9	2.2	412,509
Bảo hiểm	2.4	-6.1	1.2	-37.5	-30.4	-46.7	0.1	0.0	13.3	1.4	41,251
Ngân hàng	2.1	-5.0	14.5	-35.5	-20.3	-19.7	22.0	-1.6	9.7	1.6	1,968,971
Tài nguyên cơ bản	1.9	-8.2	-0.1	-34.3	-28.1	-38.2	5.8	-0.3	23.2	1.4	211,621
Dược và Y tế	0.4	-2.1	6.2	-17.8	16.6	-0.4	0.2	0.0	6.9	1.9	36,792
Ô tô & Phụ tùng	0.2	-4.7	4.7	-47.2	-58.9	-55.8	0.3	-0.1	17.3	1.1	15,300
Tiện ích	-1.3	-7.3	-1.4	-35.5	-23.8	-26.3	1.2	-0.1	18.2	1.8	293,111
Truyền thông	-2.3	-12.1	-23.3	-66.3	-73.4	-79.7	0.0	0.0	22.4	0.9	1,640

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,138**	-7.3	-101.5	-231.8	-320.4
Nước ngoài	**2,199**	-8.0	-64.6	-157.1	-107.9
VanEck Vectors Vietnam ETF	499	0.0	0.0	1.3	70.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	782	0.0	-21.9	-33.9	35.2
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	410	-5.5	-25.1	-62.1	-212.5
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	298	-2.5	-17.7	-44.6	25.9
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	185	0.0	3.0	-13.7	-21.1
Premia MSCI Vietnam ETF	10	0.0	-3.0	-4.1	-5.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**940**	0.7	-36.8	-74.6	-212.5
DCVFMVN Diamond ETF	556	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	288	0.6	-11.4	-41.2	-81.5
SSIAM VNFIN LEAD ETF	57	0.2	-24.4	-31.0	-129.4
MAFN VN30 ETF	25	-0.1	-0.1	-0.4	-1.5
SSIAM VNX50 ETF	5	0.1	-1.1	-2.0	-2.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	6	0.0	0.1	0.1	2.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-6,066	-33,134	-67,495
Ấn độ	-221	-1,038	-1,038	320
Indonesia	-144	-894	-894	792
Nhật Bản*	-3,185	19,808	22,993	30,213
Maylaysia	40	-443	-443	-629
Philippines	-53	-150	-150	13
Hàn Quốc	-372	1,201	1,201	13,390
Sri Lanka	0	3	3	-23
Đài Loan	-157	-6,609	-6,609	-1,879
Thái Lan	107	89	89	-1,845
Việt Nam	18	-139	-139	-540

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

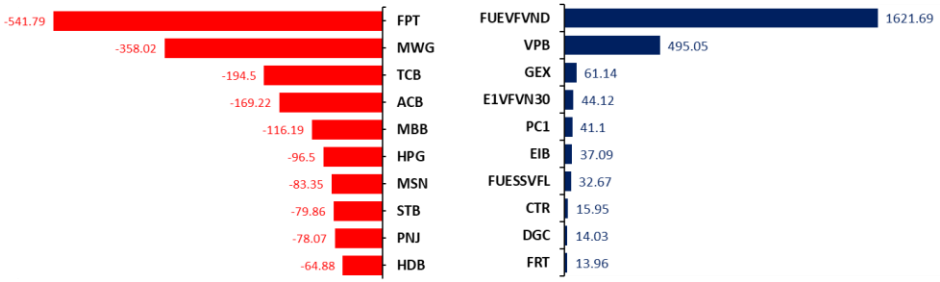
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

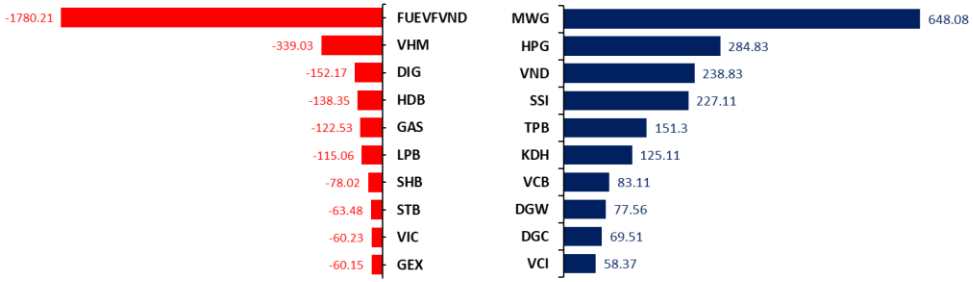
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-170	-470	521	-51
Tài nguyên Cơ bản	-156	303	-123	-180
Truyền thông	0	0	1	-1
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-4	-65	-59	124
Y tế	6	3	-6	3
Hóa chất	18	-5	-22	27
Dịch vụ tài chính	1,680	-1,296	-520	1,816
Du lịch và Giải trí	-27	-14	39	-25
Ngân hàng	-346	-105	288	-183
Xây dựng và Vật liệu	40	-55	-45	100
Thực phẩm và đồ uống	-141	-25	51	-26
Bán lẻ	-344	438	-42	-396
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-4	-94	146	-53
Hàng cá nhân & Gia dụng	-78	12	-32	19
Công nghệ Thông tin	-542	37	812	-849
Ô tô và phụ tùng	1	38	-39	1
Bảo hiểm	-3	7	0	-7
Dầu khí	-1	53	-83	31
Tổng	-70	-1,239	888	351

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	QCG	Bất động sản	4.00 - 18.80	15.2	-14.8%
2	TCT	Du lịch và Giải trí	20.80 - 29.20	21.1	-13.0%
3	LGL	Bất động sản	2.95 - 6.30	3.0	-11.5%
4	POM	Tài nguyên Cơ bản	2.75 - 9.04	2.8	-11.0%
5	SRC	Ô tô và phụ tùng	16.50 - 33.00	27.5	-10.0%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
31.7%	9.2	6.06 - 9.80	Xây dựng và Vật liệu	HAS
21.8%	6.4	3.49 - 6.49	Xây dựng và Vật liệu	DXV
20.4%	11.8	7.30 - 14.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TCO
19.2%	8.0	4.20 - 9.01	Dịch vụ tài chính	TVB
18.8%	11.8	2.63 - 4.29	Xây dựng và Vật liệu	HID

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	TKU	Tài nguyên Cơ bản	9.50 - 19.30	14.4	-18.2%
2	VTV	Xây dựng và Vật liệu	3.70 - 7.20	5.0	-16.7%
3	SMT	Công nghệ Thông tin	4.80 - 10.00	5.1	-15.0%
4	L61	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.80 - 7.40	3.0	-14.3%
5	TMB	Tài nguyên Cơ bản	25.00 - 94.90	72.5	-13.7%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
55.8%	13.4	6.50 - 13.60	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	CAG
48.5%	4.9	2.90 - 7.50	Bất động sản	AAV
29.2%	9.3	3.81 - 9.30	Xây dựng và Vật liệu	DC2
20.1%	54.9	28.80 - 71.00	Thực phẩm và đồ uống	CAN
20.0%	12.0	7.60 - 19.80	Du lịch và Giải trí	ATS

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HAV	Thực phẩm và đồ uống	2.60 - 6.30	4.0	-36.5%
2	SJC	Xây dựng và Vật liệu	4.10 - 16.30	4.2	-30.0%
3	CMT	Công nghệ Thông tin	10.00 - 26.00	15.0	-28.9%
4	PNG	Bán lẻ	16.00 - 27.90	17.6	-27.6%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	2.70 - 9.10	5.7	-26.9%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
74.6%	12.4	7.10 - 14.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	CMW
53.7%	6.3	3.60 - 10.30	Hàng cá nhân & Gia dụng	TLI
33.3%	0.4	0.20 - 0.80	Tài nguyên Cơ bản	DPS
32.8%	7.7	3.60 - 7.70	Xây dựng và Vật liệu	SD3
31.3%	21.8	16.60 - 23.00	Hàng cá nhân & Gia dụng	HCB

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cố phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	TMS	CTCP Cảng Quy Nhơn	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	623.0	12,360.0	54.5	34.69 - 58.50	-0.4
2	FRT	Bán lẻ FPT	Bán lẻ	140,930.2	197.9	161.0	53.65 - 163.70	14.2
3	TVS	Chứng khoán Thiên Việt	Dịch vụ tài chính	1,992.9	81.0	23.5	15.87 - 28.40	9.6
4	FPT	FPT Corp	Công nghệ Thông tin	601,976.4	61.2	123.2	67.39 - 128.00	13.0
5	CTF	City Auto	Ô tô và phụ tùng	2,415.6	59.6	30.4	26.38 - 34.24	3.2
6	MWG	Thế giới di động	Bán lẻ	641,732.2	59.3	54.9	33.60 - 59.30	13.9
7	BWE	Nước - Môi trường Bình Dương	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	10,941.4	48.4	42.1	39.70 - 49.60	1.3
8	TDP	Công ty Thuận Đức	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2,930.8	43.2	33.1	25.40 - 34.40	-1.5
9	NBB	577 CORP	Bất động sản	1,401.3	35.8	23.6	12.50 - 25.95	1.9
10	NCT	DV Hàng hóa Nội Bài	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,413.8	35.7	87.6	82.00 - 98.10	0.6

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

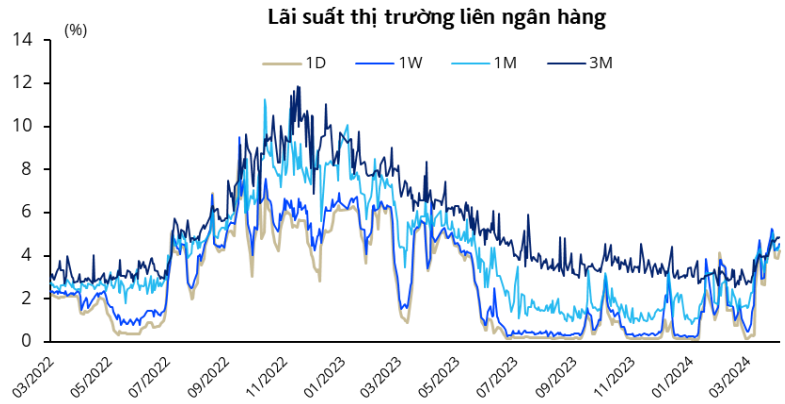
Tỷ giá

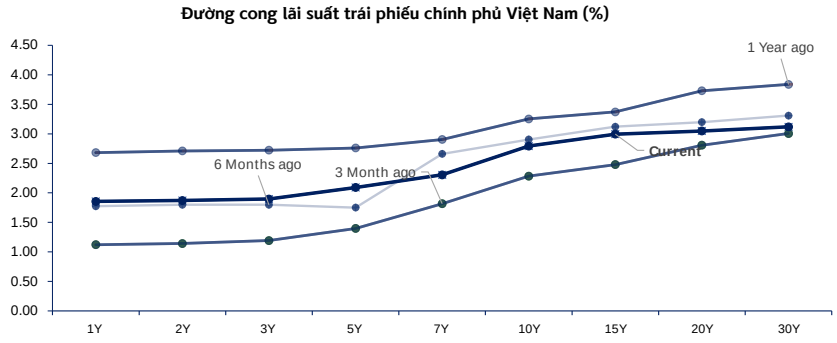
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	105.50	-0.6	1.2	2.0	4.1	
VND/USD	25,340	-0.4	2.3	3.0	4.4	
KRW/USD	1,375.30	-0.5	2.7	2.9	6.8	
JPY/USD	156.57	1.2	3.3	5.7	11.0	
EUR/USD	0.93	-0.9	0.8	1.0	2.7	
SGD/USD	1.36	-0.1	1.0	1.4	3.0	
CNY/USD	7.25	0.1	0.4	1.0	2.1	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	83.79	0.8	2.7	7.4	16.9	
Xăng	276.73	2.1	2.5	20.6	31.6	
Gas	1.58	-9.8	0.3	-41.7	-37.2	
Than	129.25	-0.3	0.2	1.9	-11.7	
Vàng	2,348.52	-1.8	7.8	16.3	13.8	
Bạc	27.68	-3.5	13.2	21.4	16.3	
Platinum	918.55	-1.8	1.5	0.3	-7.4	
Quặng sắt	109.68	1.6	-0.9	-19.1	-19.6	
Thép cán	3,828.00	-0.4	0.2	-6.3	-6.1	
Lúa mì	599.00	8.9	10.2	-0.2	-4.6	
Ngô	441.00	1.7	2.0	-1.2	-6.4	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam





TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.85	1.87	1.90	2.09	2.31	2.79	3.00	2.48	3.12
Thay đổi (BPS)*	1.60	1.70	1.70	-4.20	-4.40	-1.70	-2.60	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.